

**DAY VÀ HỌC VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI Ở CÁC KHOA NGOẠI NGỮ
BẬC ĐẠI HỌC – MỘT SỐ TRẢI NGHIỆM VÀ SUY NGHIỆM TIÊU ĐỀ**
FOREIGN LITERATURE TEACHING AND LEARNING AT THE TERTIARY
LEVEL IN DEPARTMENTS OF FOREIGN LANGUAGES

Phạm Thị Anh Nga

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

TÓM TẮT

Nhằm góp thêm một tiếng nói liên quan đến việc dạy văn học trong nhà trường, bài báo này cung cấp một góc nhìn khác với hy vọng bổ sung một số thông tin hữu ích cũng như những suy nghiệm về vấn đề dạy và học văn học hiện nay, dựa trên những trải nghiệm về dạy văn học Pháp cho sinh viên ngoại ngữ Pháp ở Việt Nam

ABSTRACT

Aiming at contributing some ideas to the literature teaching, this paper provides a view which is rather different from the other views with the hope to supplement some useful information and thought about the issue of literature teaching and learning at present, based on the author's experience in French literature teaching to students of French as a foreign language in Vietnam.

1. Văn học nước ngoài trong lớp học ngoại ngữ bậc đại học

1.1 Thực tế dạy và học Văn học Pháp

Khác với nhiều môn học khác, từ xưa đến nay, Văn học nước ngoài là một môn học hầu như luôn luôn có mặt trong chương trình giảng dạy của các khoa ngoại ngữ ở Việt Nam, trong các trường Đại học Văn khoa, Khoa học Xã hội, Ngoại Ngữ hay Sư Phạm (ngoại trừ trong các ngành đào tạo chuyên biệt, thuộc lĩnh vực ngoại giao, hợp tác quốc tế...). Trong đào tạo ngoại ngữ Pháp ở Việt Nam, nếu có nơi và có lúc Văn học Pháp được dạy cho sinh viên ngoại ngữ Pháp bằng tiếng Việt (chẳng hạn ở Hà Nội vào những năm 80 của thế kỷ trước), thì ở trường Đại Học Sư Phạm Huế, ngay từ đầu *ngôn ngữ* được dùng để dạy Văn học Pháp cho sinh viên Pháp vẫn luôn là tiếng Pháp, cũng như ở ĐH Ngoại Ngữ Huế hiện nay (từ 2004)¹. Thậm chí sinh viên cũng đã có lúc được học văn học Pháp trực tiếp với các giảng viên người Pháp (trước 1975). Cũng có một giai đoạn (khoảng 1985), sinh viên được học bổ sung về Văn học Phương Tây và Tổng quan văn học Pháp bằng tiếng Việt, nhưng nội dung chính của Văn học Pháp (văn học sử, tác phẩm...) vẫn được dạy bằng tiếng Pháp.

¹ Trường ĐH Ngoại Ngữ (ĐH Huế) được thành lập năm 2004 trên cơ sở quy tụ tất cả các đội ngũ giảng viên và sinh viên các khoa Ngoại Ngữ thuộc các trường thành viên của ĐH Huế. Khoa Tiếng Pháp (có lúc gọi là Khoa Pháp) đảm nhận nhiệm vụ đào tạo về ngoại ngữ Pháp.

Về *đội ngũ giảng dạy*, ngoài những giảng viên văn học thuộc thế hệ trước, nay đã nghỉ hưu, do trong một thời gian dài không có kế hoạch đào tạo đội ngũ kế tục về dạy văn học, nên khi các thầy giáo đầu đàn lần lượt về hưu thì khoa (Tiếng) Pháp ĐH Sư Phạm (nay là ĐH Ngoại Ngữ) đã thiếu hụt trầm trọng về giảng viên văn học. Cũng may trong nhiều năm các thầy dạy văn học từ trước, dù đã nghỉ hưu, vẫn nhận dạy thỉnh giảng cho khoa. Có thể nói, dù chưa đến mức bị “xoá sổ” trong kế hoạch đào tạo, nhưng có lúc môn Văn học Pháp cũng đã chịu tác động của thời thế, đặc biệt với sự lên ngôi trong đào tạo ngoại ngữ của các phương pháp Nghe-Nói, Nghe-Nhìn, cũng như phương pháp Giao tiếp thời kỳ đầu: mọi nỗ lực đào tạo các giảng viên trẻ về tiếng Pháp chủ yếu tập trung vào các chuyên ngành Ngôn ngữ học, Giáo học pháp ngoại ngữ, Văn minh, Dịch..., riêng môn Văn học gần như bị bỏ rơi. Chỉ mới mười năm trở lại đây, Khoa (Tiếng) Pháp mới có giảng viên được đào tạo chuyên sâu về Văn học Pháp, hoặc nghiên cứu về phương pháp giảng dạy văn học, nhưng khi bắt đầu dạy văn học thì các giảng viên này cũng đã gần đến tuổi nghỉ hưu!

Về *nội dung chương trình*, so với những thập niên đầu tiên được dạy, nội dung Văn học Pháp những năm sau này có xu hướng ngày càng giảm nhẹ về liều lượng (do số giờ dành cho văn học giảm đáng kể), cũng như về yêu cầu. Đa số sinh viên ngày càng cảm thấy nhọc nhằn hơn trong tiếp cận văn học và ít gắn bó với môn này, ngoại trừ một thiểu số có trình độ ngoại ngữ ban đầu khá tốt đồng thời có khuynh hướng yêu thích văn chương. Về *phương pháp dạy / học*², ngoài việc giải quyết các nhiệm vụ học tập trên lớp (về văn học sử, giảng văn, bình giảng...), có lúc sinh viên còn được yêu cầu đọc nguyên một tác phẩm văn học, và đọc diễn cảm (trong nguyên bản tiếng Pháp) nội dung các bài thơ đã phân tích. Qua các thời kỳ, các giảng viên đã nỗ lực tìm nhiều phương thức dạy học để vừa đảm bảo khối lượng nội dung (tối thiểu), vừa đảm bảo tính vừa sức, tức tính khả thi so với trình độ thực tế của sinh viên.

Cho đến nay, *hiệu quả* việc dạy / học Văn học Pháp vẫn chưa thể gọi là khả quan, vẫn còn nhiều điều đáng bàn. Nhìn chung, có thể nói từ trước đến nay môn Văn học Pháp vẫn tồn tại ở các khoa tiếng Pháp như một lẽ tự nhiên. Cho đến một lúc nào đó, sự tồn tại tưởng như “đương nhiên” đó của môn Văn học đã đưa đẩy thầy và trò đến trước một tình huống “khó xử”, với những khó khăn ngày càng nhiều. Và ý thức về tình huống có vấn đề ngày càng rõ nét.

Nguyên nhân dễ dàng nhận ra nhất là do trình độ ngoại ngữ của sinh viên ngày nay rất thấp, không còn như cách đây nhiều thập niên, trong khi môn học được tiến hành bằng ngoại ngữ, và sinh viên phải học và phân tích tác phẩm văn học trong nguyên bản tiếng Pháp. Với đầu vào đại học có xu hướng ngày càng thấp (ngoại trừ một thiểu số rất ít như đã đề cập ở trên, thường đến từ các lớp song ngữ hay chuyên tiếng Pháp ở

² Cách ghi “dạy / học” này thể hiện sự thống nhất và tương tác của hai mặt hoạt động không thể tách rời trong lớp học, giữa thầy và trò, theo quan điểm của R.Galissou, đối lập với các hoạt động “đạy”, “đay và học”.

phổ thông), ngày nay nhiều sinh viên vẫn rất kém về các năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ (nghe nói đọc viết), thậm chí có em đến hết năm cuối bậc đại học vẫn không nói hay viết được một câu bằng tiếng Pháp mà không có lỗi. Với vốn ngoại ngữ có hạn như thế, việc tiếp xúc với Văn học cũng như với mọi môn học khác đều là những tình huống rất có vấn đề.

Nhưng thực ra, trình độ sinh viên không phải là nguyên nhân duy nhất khiến cho hiệu quả việc dạy và học văn học có nhiều hạn chế như hiện nay. Do nhiều lý do khách quan và chủ quan, giảng viên dạy văn học ở các khoa ngoại ngữ Pháp không hoặc chưa ý thức hết về những sự khác nhau rất cơ bản giữa nhiệm vụ của họ, là *dạy văn học Pháp cho sinh viên Việt Nam ngành Ngoại ngữ Pháp* (Sư Phạm, Biên Phiên dịch...), với các nhiệm vụ đào tạo khác:

- (1) dạy văn học Pháp cho sinh viên Pháp ngành Văn chương,
- (2) dạy văn học Pháp cho sinh viên Việt Nam ngành Ngữ văn,
- (3) dạy văn học Việt Nam cho sinh viên Việt Nam ngành Ngữ văn.

Mục tiêu giảng dạy sẽ khác đối với mỗi loại *đối tượng* (chuyên ngành văn chương hay không), mỗi loại *văn học* (văn học “mẹ đẻ” hay văn học “nước ngoài”). Nội dung, yêu cầu, phương pháp, hoạt động lớp học và nhiệm vụ học tập theo đó cũng sẽ khác.

1.2 Giáo học pháp giảng dạy văn bản văn chương trong lớp học ngoại ngữ

Về mặt lý luận, ngay từ những năm 80 của thế kỷ 20, nhà giáo học pháp người Pháp J.Peytard đã đề cập đến “Giáo học pháp giảng dạy văn bản văn chương trong lớp học ngoại ngữ Pháp” (*Didactique du texte littéraire en français langue étrangère*) (1982). Theo ông, có mấy xu hướng nhận định văn bản văn chương (VBVC) như sau: (1) VBVC như một khía cạnh đặc thù, “thiên liêng”, bổ sung cho ngôn ngữ được dạy, trong các giáo trình ngoại ngữ Pháp (FLE³); (2) VBVC trong tương quan với người dạy và người học trong lớp học ngoại ngữ, cũng như với những người bản ngữ trong xã hội, thể hiện qua các thái độ “chối bỏ” (*dénégation*) hay tôn sùng, “linh hoá” (*sacralisation*); (3) VBVC như một “khách thể-sản phẩm” (*objet-produit*) với những đặc trưng của nó, như tính đa nghĩa, tính đa thanh... cho phép có nhiều cách đọc đa dạng khác nhau. Tương ứng với các nhận định trên về VBVC, J.Peytard (1982) phân biệt ba xu hướng sử dụng văn học và VBVC trong lớp học ngoại ngữ:

- *Xu hướng thứ nhất* quan niệm VBVC là những “thí dụ về câu được uốn nắn một cách nghệ thuật”, xuất phát từ “truyền thống” của người Pháp trong việc đề cao vai trò văn hoá xã hội của văn học, và xem nó là mẫu mực của ngôn ngữ (*bon usage*). Ngôn ngữ được học vô hình trung bị giới hạn trong thể loại ngôn ngữ văn chương, không đại diện cho tính đa dạng của ngôn ngữ.

³ FLE: Français langue étrangère (Tiếng Pháp như một ngoại ngữ)

- *Xu hướng thứ hai*, có tính đại học hơn, xem VBVC như một loại văn bản đặc thù, dựa vào nó để khai tâm và đào tạo về văn học sử, văn minh văn hoá, về những kỹ thuật phê bình văn học (kiểu Pháp), nhằm đào tạo những giáo viên giảng dạy văn học. Ngôn ngữ lớp học thường là siêu ngôn ngữ, có khi sử dụng cả tiếng mẹ đẻ của người học. Đây là xu hướng hoàn toàn thích ứng trong đào tạo giáo viên dạy chuyên ngành văn học.

Theo J.Peytard (1982), cả hai xu hướng nói trên đều là sự chuyển dịch của các cách tiếp cận văn học Pháp từ trong nhà trường của Pháp, ở cấp tiểu học, trung học hay đại học, với các đối tượng là học sinh và sinh viên Pháp, nhưng áp dụng cho đối tượng là người nước ngoài trong lớp học ngoại ngữ thì sẽ không phù hợp.

- *Xu hướng thứ ba* chính là cách tiếp cận có thể thích ứng với đối tượng là người nước ngoài trong lớp học ngoại ngữ, mặc dù nó cũng xuất phát từ một phương thức tiếp cận văn học Pháp trong bối cảnh tiếng Pháp là tiếng mẹ đẻ. Theo D.Coste, việc tiếp xúc và cảm thụ văn học Pháp và VBVC Pháp ở người học tiếng Pháp như một ngoại ngữ cũng như đối với học sinh Pháp “chỉ có thể hình dung được một khi nền tảng về ngôn ngữ nói và viết thông dụng đã được thiết lập một cách chắc chắn” (J.Peytard (1982) trích dẫn).

Như vậy, có thể nói việc dạy / học văn học Pháp trong khuôn khổ tiếng Pháp như một ngoại ngữ nên tránh hai xu hướng đầu và cần được tiến hành sao cho tương ứng với xu hướng hay cách tiếp cận thứ ba này, nghĩa là tiếp cận và cảm thụ văn học và VBVC một khi người học đã đạt được một trình độ cơ bản về ngoại ngữ đang học.

2. Một số khái niệm về nghiên cứu và giảng dạy văn học và văn bản văn chương

2.1 Đặc trưng của văn bản văn chương

- a. Trước tiên VBVC là một văn bản thực (*document authentique*), thậm chí nó còn thực hơn cả các loại “văn bản thực” đã được phương pháp Giao tiếp đề cao, những loại văn bản trong một thời gian dài đã giữ vị trí độc tôn trong lớp học ngoại ngữ (văn bản thông tin báo chí, tin vật, quảng cáo, tin nhắn, truyền đơn, áp phích...). Về mặt nguồn gốc, cũng giống như các loại văn bản trên VBVC được sản sinh trong một tình huống thực chứ không phải chỉ để dùng trong lớp học. Nhưng khác với các loại văn bản kia, VBVC hướng tới mọi người, mọi nơi mọi lúc, không giới hạn, và việc tiếp nhận nó trong lớp học ngoại ngữ hay ở một tình huống nào khác thật ra vẫn không vượt ra ngoài những gì mà người viết có thể hình dung hay mong đợi. Ngược lại, đối tượng mà một tài liệu quảng cáo hay một tin vật của Pháp nhắm đến chỉ là những người bản ngữ đang sống trong xã hội Pháp hay những người sử dụng tiếng Pháp trong cộng đồng Pháp ngữ, nhằm thúc đẩy việc mua bán hay thông tin về những việc xảy ra. Sử dụng chúng trong lớp học ngoại ngữ thì tình huống sử dụng sẽ không còn là thực nữa. Về khía cạnh này, nhiều nhà giáo học pháp FLE (ngoại ngữ Pháp) đã kêu gọi phải nhận định lại khái niệm “tính chất thực” (*authenticité*) của văn bản, vốn đã

bị ngộ nhận, nhằm hiểu nó một cách thấu đáo hơn, theo chiều hướng hoàn toàn có lợi cho VBVC.

- b. VBVC còn được xem là một biểu hiện của văn hoá. Theo cách phân loại của R.Galisson (1998) về văn hoá trong nhà trường, thì văn học sử thuộc về văn hoá-ý niệm (culture-vision) hay văn hoá bác học, được truyền đạt thông qua trí tuệ (l'esprit), theo phương pháp suy diễn (déductive), còn VBVC thuộc về văn hoá-hành động (culture-action) hay văn hoá thông dụng, hoặc là văn hoá nhân loại học, được xây dựng thông qua cơ thể (le corps) theo phương pháp quy nạp (inductive), với những rèn luyện về ứng xử, trải nghiệm của bản thân người học, và những môn học như giảng văn, đóng kịch... Hai bình diện này của văn hoá (và văn học) có mối tương quan khăng khít và bổ trợ cho nhau.
- c. Một đặc trưng khác của VBVC là nó có chức năng thi ca (fonction poétique) và chức năng siêu ngôn ngữ (fonction métalinguistique) đặc biệt nổi bật, so với các chức năng khác, theo cách phân loại các chức năng ngôn ngữ của R.Jakobson, nhất là so với chức năng qui chiếu hay biểu vật (fonction référentielle). VBVC chính là kết tinh từ lao động của nhà văn hay nhà thơ về ngôn ngữ và kết quả lao động này lại được thể hiện qua ngôn ngữ. Nói như M.Proust ("Lettre à Madame Strauss", 1908), việc đọc VBVC giúp ta khám phá ra tác giả là người "tạo ra ngôn ngữ của mình", không phải bằng cách lưu giữ nó, mà bằng cách "không tuân thủ" nó (J.Peytard 1988). Liên quan đến đặc trưng này của VBVC, J.Peytard còn đưa ra một câu khẳng định đầy tính thách thức, đó là: "chiều sâu của một VBVC nhất thiết phải nằm ở bề mặt của nó" (la profondeur d'un texte littéraire est nécessairement dans sa surface).
- d. VBVC không phải là một loại linh vật, được cất giữ trong đền thiêng dành riêng cho một thiểu số ít ỏi những nhà nghiên cứu văn học hay hoạt động trong chuyên ngành văn chương. Trước thái độ sùng bái hay "linh hoá" (sacralisation) đối với VBVC, các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực dạy / học văn học và VBVC đã kêu gọi "phi linh hoá" (désacralisation) VBVC. Nếu VBVC ở dạng thức cuối cùng của nó (dạng cuối cùng được công bố) thường được đề cao, được xem là mẫu mực về dụng từ dụng ngôn, được chuyên tâm nghiên cứu, thì sự tiếp cận đó vẫn chưa thực sự toàn diện, vì đã bỏ sót quá trình lao động mà mờ, trần trở, thử nghiệm, gạch xóa... của nhà văn hay nhà thơ. Mặt khác, VBVC cũng cần được nghiên cứu trong tương quan với cuộc sống xã hội, trong sự hiện hữu của nó (quá trình in ấn, xuất bản tác phẩm văn học...). Mặt khác, nhà văn hay nhà thơ cũng là một con người thực sống trong xã hội, ở thời điểm hiện tại hay quá khứ. Tác giả, tác phẩm văn học đều thuộc về cuộc sống, chứ không là những thực thể chỉ tồn tại trong thế giới siêu nhiên, huyền ảo nào khác, hay những hình ảnh trừu tượng chỉ tồn tại trong chương trình học trong nhà trường.

2.2 Góc độ tiếp nhận văn học

- a. Theo D.Bertrand và F.Ploquin (1988), có ba xu hướng khác nhau trong dạy văn học từ trước đến nay tại Pháp. Xa nhất là xu hướng giáo dục hàn lâm, đặt trọng tâm vào lịch sử văn học và các tác giả, nhằm trang bị cho người học một tri thức hoàn thiện. Xu hướng thứ hai, tiến bộ hơn, đặt trọng tâm vào VBVC và các đặc trưng về cấu tạo của nó. Gần đây nhất là xu hướng *đặt trọng tâm vào người đọc*, người tiếp nhận VBVC, với tính chủ quan tương tác trong tiếp nhận và tính đa nghĩa của VBVC, được xem là xu hướng tiến bộ và thích ứng nhất hiện nay. Theo xu hướng đặt trọng tâm vào góc độ tiếp nhận này, người đọc không phải là một “người nhận” đơn thuần mà còn tham gia tích cực vào việc tạo nghĩa cho VBVC. Văn học không còn được dạy theo kiểu truyền đạt kiến thức và chân lý một chiều nữa, mà được tiến hành thông qua việc đọc và tiếp nhận VBVC trong thể tương tác và đa chiều kích.
- b. Việc tiếp nhận VBVC được tiến hành như một quá trình “đọc” thực sự, nhưng là *đọc có phương pháp* (lecture méthodique), ở đó mỗi cá nhân đều tìm cách đặt giả thiết về ý nghĩa hay góp phần tạo nghĩa thông qua việc phát hiện những dấu hiệu trong VBVC (hình thức trình bày, cách chấm câu, thời của động từ, nghĩa nội hàm...) nhờ vào những công cụ tiếp cận VBVC đã tích lũy được hay sẽ khám phá hoặc được cung cấp trong quá trình học. Năng lực nhận diện các phương thức và đặc điểm đó chính là những công cụ cần thiết để tiếp cận VBVC. Giáo viên đóng vai trò trung gian (médiateur) hỗ trợ cho người học trong quá trình đọc-tiếp nhận này.
- c. Tùy thuộc vào chủ quan của mỗi người tiếp nhận, vào mỗi thời điểm, mỗi không gian tiếp nhận cụ thể, VBVC có thể có những cách đọc đa dạng khác nhau. Vấn đề là phải hiểu rằng bản thân VBVC vốn có tính đa nghĩa (polysémie) và đa thanh (polyphonie). Người học không có nhiệm vụ tìm ra “ý nghĩa (duy nhất đúng)” của VBVC, mà tìm cách nhận diện các phương thức tu từ, các đặc điểm về từ vựng, hình thái, cú pháp... được sử dụng để vận hành ý tưởng, qua đó góp phần nhận ra hoặc tạo ra ý nghĩa của VBVC. (J.Peytard 1988).
- d. Cũng theo J.Peytard (1988), khi tiếp cận với VBVC với tư cách là kết quả của một quá trình lao động về ngôn ngữ của tác giả (trong tiến trình đi từ ý tưởng đến ngôn từ, *démarche onomasiologique*), người tiếp nhận có những tìm tòi, giả định, ước tính về ý nghĩa được chuyển tải qua các phương thức biểu hiện (tiến trình đi từ ngôn từ đến ý tưởng, *démarche sémasiologique*). Khai thác mối tương quan này cho phép gắn liền dạy / học ngôn ngữ với dạy / học văn học.
- e. Việc tiếp cận với VBVC Pháp trong lớp học ngoại ngữ còn là một tình huống *giao tiếp liên văn hoá* với đầy đủ các đặc trưng của giao tiếp liên văn hoá thực sự, ở đó người học (người Việt Nam) giao tiếp với VBVC Pháp với tư cách là Kẻ Khác (hay đại diện cho Kẻ Khác). Được tiếp xúc thêm với một VBVC,

một “tiếng nói” đặc thù và thực (authentique), còn giúp người học mở mang tri thức, tri nhận, hướng ra ngoại giới, góp phần tránh cho bản thân rơi vào những hình ảnh khuôn mẫu có sẵn (stéréotypes) về con người và cuộc sống Pháp, giúp đa dạng hoá cái nhìn của bản thân về con người và đất nước mà mình học tiếng.

3. Một số nguyên tắc chung

Trên cơ sở những nhận định trên, có thể nói dạy / học văn học Pháp và VBVC trong khuôn khổ ngoại ngữ Pháp cần tuân thủ một số nguyên tắc:

- a) Một mặt, cần tôn trọng những đặc điểm riêng của môn học (*tính chất văn chương, littérature*), khai thác được những đặc trưng của VBVC (khác với các loại văn bản khác); mặt khác, cần đảm bảo việc dạy / học *tương thích với đối tượng* (người Việt Nam học văn học Pháp) và *mục tiêu đào tạo* (đào tạo giáo viên tiếng Pháp, đào tạo chuyên viên biên phiên dịch...). Đặc biệt, với tư cách là một môn học chính thức trong chương trình đào tạo có tính độc lập tương đối của nó, dạy / học văn học và VBVC không thể chỉ là sự áp dụng hay bài tập thực hành về những kiến thức ngôn ngữ, hay chỉ là một phương tiện để học văn hoá hay ngôn ngữ.
- b) Cũng như đối với các môn học khác của chương trình đào tạo, trong quá trình dạy / học, vai trò của người giảng viên là tổ chức, thiết kế hoạt động, đi cùng và hướng dẫn người học học tập, rèn luyện để người học có thể đạt mục tiêu đề ra. Môn Văn học Pháp không là ngoại lệ, và nhiệm vụ của giảng viên chính là hướng dẫn sinh viên thực hiện nhiệm vụ học tập của mình, bằng cách ở từng thời điểm đặt ra cho người học nhiệm vụ *tìm tòi khám phá, chủ động* học tập với sự giúp đỡ của giảng viên.
- c) Trước tình hình sinh viên có trình độ hạn chế về tiếng, cần kết hợp một cách khôn ngoan và uyển chuyển việc giải quyết *những khó khăn cơ bản về đọc hiểu* VBVC trước khi khai thác các phương thức biểu đạt và tiến hành nhiệm vụ đọc có phương pháp (lecture méthodique).
- d) Với liều lượng thời gian có hạn, cần *chọn lọc nội dung* chương trình thế nào để hiệu quả đạt đến mức tối ưu, nghĩa là cân đối giữa *lượng* và *chất* một cách khôn ngoan, hợp lý.

4. Kết luận

Việc dạy / học văn học nước ngoài trong nguyên bản tiếng nước ngoài có một số thuận lợi nhất định: tiếp cận trực tiếp với VBVC trong nguyên bản (chẳng hạn tiếng Pháp) cho phép khai thác các phương thức biểu hiện liên quan đến đặc trưng của ngôn ngữ, mà các bản dịch sẽ khó lòng, thậm chí không thể chuyển tải được: hiệu ứng âm thanh của các chuỗi nguyên âm hay phụ âm (assonnances, allitérations) đặc biệt là trong thơ, thời và thức của động từ (temps et modes verbaux...). Ngoài ra, nếu tiến độ của việc

đạy / học được thiết kế dựa vào hoạt động của sinh viên (là chính) với sự hướng dẫn và trợ giúp đắc lực của giảng viên, thì sinh viên có thể phát huy tính chủ động trong học tập và ngày càng tự tin trong đọc-tiếp nhận VBVC.

Như thế, trong đào tạo ngoại ngữ bậc đại học, vai trò của người giảng viên ở môn văn học nước ngoài chính là thiết kế, tổ chức việc dạy / học để người học tiếp cận với văn học nước ngoài và tác phẩm văn học nước ngoài, đồng thời hỗ trợ người học: tổ chức tình huống lớp học, nhiệm vụ học tập, đồng thời dẫn dắt, khơi gợi, giúp người học tự đặt câu hỏi, tìm tòi khám phá, chủ động. Dạy văn học nước ngoài chính là đảm nhận vai trò cầu nối, trung gian trong giao tiếp giữa người học (người đọc) và văn học nước ngoài, tác phẩm văn học nước ngoài. Ở đó cả người học lẫn tác phẩm văn học đều đóng vai trò trọng tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách, bài báo về lý luận

- [1] Bertrand D., Ploquin F. (Cb), 1988, *Littérature et enseignement. La perspective du lecteur (Văn học và giảng dạy. Quan điểm của người đọc)*, Tạp chí «Le français dans le monde», số đặc biệt (tháng 2-3/1988), 192 trang
- [2] Biard J., Denis F., 1993, *Didactique du texte littéraire (Giáo học pháp văn bản văn chương)*, Nathan, 239 trang
- [3] Galisson R., 1998, “ Le ‘Français langue étrangère’ montera-t-il dans le train en marche de la ‘Didactique scolaire’ ? ” (Liệu ‘Ngoại ngữ Pháp’ có bắt kịp chuyến tàu đang lăn bánh của ‘Giáo học pháp nhà trường phổ thông’ ?) in ELA, Revue de Didactologie des langues-cultures (Tạp chí Giáo học pháp ngôn ngữ-văn hoá), số 111, trang 265-286
- [4] Goldenstein J-P., 1990, *Entrées en littérature (Những lối vào văn học)*, Hachette, 126 trang
- [5] Papo E., Bourgain D., 1989, *Littérature et communication en classe de langue. Une initiation à l'analyse du discours littéraire (Văn học và giao tiếp trong lớp học ngoại ngữ. Dẫn nhập phân tích văn bản văn học)*, LAL, Hatier, 159 trang
- [6] Peytard J., ..., 1982, *Littérature et classe de langue français langue étrangère (Văn học và lớp học ngoại ngữ Pháp)*, LAL, Hatier-Crédif, 239 trang
- [7] Peytard J., 1988, “Les usages de la littérature en classe de langue” (Những cách sử dụng văn học trong lớp học ngoại ngữ) in Bertrand D., Ploquin F. (Cb), 1988, trang 8-17
- [8] Trần Đình Chung, 2006, *Dạy học văn bản ngữ văn Trung học cơ sở theo đặc trưng phương thức biểu đạt*, Giáo Dục, 400 trang

Văn bản pháp quy

- [9] Textes officiels pour l'enseignement du français en classe de Seconde (Văn bản pháp quy về dạy tiếng Pháp lớp Seconde ⁴), Bulletin officiel de l'Éducation Nationale, n° spécial 15 février 1987
- [10] Textes officiels pour l'enseignement du français en classe de Première , (Văn bản pháp quy về dạy tiếng Pháp lớp Première ⁵), Supplément du BCEN n° 22 – juin 1988

Sách giáo khoa về văn học

- [11] Sabbah H. (Cb), 1993, Littérature, textes et méthode, 2de, Hatier, 415 trang.
- [12] Sabbah H. (Cb), 2004, *Littérature 2^{de} – Des textes aux séquences*, Hatier, 511 trang.
- [13] Sabbah H., 2004, *Littérature 2^{de} – Des textes aux séquences, Livre du professeur*, Hatier, 512 trang.
- [14] Sabbah H. (Cb), 2005, *Littérature 1^{re} – Des textes aux séquences*, Hatier, 527 trang.
- [15] Sabbah H. , 2005, *Littérature 1^{re} – Des textes aux séquences, Livre du professeur*, Hatier, 591 trang

⁴ tương đương lớp 10 Việt Nam

⁵ tương đương lớp 11 Việt Nam